TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2022
V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năm
2. Ông Văn Công Trọn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Ngọc Anh T1, sinh năm 1997 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp 7, xã K, huyện T, tỉnh C ..
Chỗ ở: Khóm 8, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Đinh Duy T2, sinh năm 1990 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2022, biên bản hòa giải ngày 28/3/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Ngọc Anh T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đinh Duy T2 sống chung với nhau vào cuối năm 2021, hôn nhân tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 26/11/2021. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống vợ chồng không lâu phát sinh mâu thuẫn, tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường hay cải nhau, cha chồng thì khó khăn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng chị kêu chị về bên gia đình mẹ ruột chị sống

đến nay hơn 02 tháng. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T2.

- Về con chung: Chị xác định không có con chung.

- Về tài sản chung: Chị xác định trong ngày cưới gia đình bên chồng có cho chung 02 vợ chồng 18 chỉ vàng 24k, cụ thể: Cha mẹ chồng cho 12 chỉ vàng 24k gồm: 01 chiếc kiềng trọng lượng 07 chỉ vàng 24k, 01 nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24k và 01 vòng trọng lượng 03 chỉ vàng 24k); thân tộc bên chồng cho 05 chỉ vàng 24k gồm: Bác Xoan cho 01 nhẫn 02 chỉ vàng 24k, dì Nhâm cho 01 nhẫn 01 chỉ vàng 24k, cô Tuyết cho 01 nhẫn 01 chỉ vàng 24k, em Thành và Ngọc Anh cho 01 nhẫn 0,5 chỉ vàng 24k và Dì, Cậu ở ngoài Bắc cho 01 nhẫn 0,5 chỉ vàng 24k. Ngoài ra, ngày xuống mối bên gia đình chồng có cho 01 chỉ vàng 24k. Hiện số vàng trên anh T2 đang quản lý. Khi ly hôn chị yêu cầu được chia ½ số vàng trên mỗi người được nhận 09 chỉ vàng 24k.

- Nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/3/2022 và tại phiên tòa anh Đinh Duy T2 trình bày: Anh thống nhất trình bày của chị T1 cụ thể: Về hôn nhân: Anh và chị T1, sống chung với nhau vào cuối năm 2021, có đăng ký kết hôn theo quy định đúng như chị T1 trình bày. Do mâu thuẫn tình cảm vợ chồng với nhau nên anh xác định không thể nào hàn gắng được nên đồng ý ly hôn với chị T1; về con chung không có; về tài sản chung: Anh T2 xác định như sau: Đúng là ngày cưới cha mẹ anh có cho số vàng 10 chỉ vàng 24k chứ không phải 12 chỉ vàng 24k như chị T1 trình bày. Cụ thể: 01 chiếc kiềng 05 chỉ vàng 24k, 01 nhẫn 02 chỉ vàng 24k, 01 vòng 03 chỉ vàng 24k và 01 nhẫn 01 chỉ vàng 24k cho trước ngày cưới, tổng cộng 11 chỉ vàng 24k. Anh đồng ý chia ½ số vàng này mỗi người được nhận 5,5 chỉ vàng 24k; về nợ chung: Anh xác định không có.

Tại phiên tòa anh cung cấp 01 biên nhận mua vàng của tiệm vàng Hữu Hiệp ngày 22/11/2021, có thể hiện số vàng 01 kiềng vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ vàng 24k và đồng ý chia đôi số vàng 05 chỉ vàng 24k mà thân tộc của anh cho ngày cưới.

Đối với số vàng 01 sợi dây truyền bông mai vàng 24k, 01 lắc tay vàng 24k không xác định được trọng lượng và 0,5 chỉ vàng 24k của dì út Tỷ cho ngày cưới thì anh không đặt ra yêu cầu. Anh đồng ý chia ½ số vàng trong tổng cộng 16 chỉ vàng 24k cho chị T1 mỗi người 08 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa chị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Chị thay đổi một phần khởi kiện, chị đồng ý chia ½ số vàng 16 chỉ vàng 24k, mỗi người 08 chỉ vàng 24k. Số vàng trên hiện anh T2 đang quản lý yêu cầu anh T2 giao lại cho chị 08 chỉ vàng 24k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn anh Đinh Duy T2 có nơi cư trú tại khóm 7, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Lê Ngọc Anh T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Đinh Duy T2 tranh chấp về chia tài sản chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chị T1 là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị T1 là nguyên đơn, anh T2 là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Ngọc Anh T1 và anh Đinh Duy T2 xác lập quan hệ vợ chồng vào cuối năm 2021, hôn nhân tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 26/11/2021. Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị T1 và anh T2 phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống không hòa hợp, chị xác định không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau. Chị T1 và anh T2 đã sống ly thân đến nay hơn 02 tháng.

Xét, mâu thuẫn giữa chị T1 và anh T2 là thực tế có xảy ra và tại phiên hòa giải anh T2 đồng ý ly hôn với chị T1. Trước khi tòa án mở phiên tòa.

Căn cứ Điều 51; Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1, cho chị T1 được ly hôn với anh T2.

[3] *Về con chung*: Chị T1 và anh T2 xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung:* Chị T1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa chị T1 và anh T2 xác định ngày cưới gia đình bên chồng có cho chung vợ chồng 16 chỉ vàng 24k (cha mẹ chồng cho 10 chỉ vàng 24k, thân tộc bên chồng cho 05 chỉ vàng 24k) và trước ngày cưới bên chồng cho 01 chỉ vàng 24k. Khi ly hôn chị yêu cầu được chia đôi số vàng trên, chị nhận 08 chỉ vàng 24k và anh T2 được nhận 08 chỉ vàng 24k. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Do đó, yêu cầu của chị T1 là có căn cứ được chấp nhận. Chia số vàng 16 chỉ vàng 24k cho chị T1 08 chỉ vàng 24k, anh T2 08 chỉ vàng 24k. Do hiện nay anh

T2 đang quản lý số vàng này nên buộc anh T2 có trách nhiệm giao lại cho chị T1 08 chỉ vàng 24k.

[5] Về nợ chung: Các bên xác định không có nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị T1 và anh T2 phải chịu 50% án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và án phí có gía ngạch trên số vàng chị được nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 15, khoản 1 Điều 38, Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc Anh T1 về việc ly hôn với anh Đinh Duy T2.

- Về tài sản chung: Chia cho chị Lê Ngọc Anh T1 08 chỉ vàng 24k (*Tám chỉ vàng hai mươi bốn kara*). Anh Đinh Duy T2 được nhận 08 chỉ vàng 24k (*Tám chỉ vàng hai mươi bốn kara*). *Vàng 24k tại thời điểm xét xử có giá trên thị trường 5.460.000 đồng/chỉ.*

Anh Đinh Duy T2 đang quản lý số vàng trên. Buộc anh Đinh Duy T2 giao lại cho chị T1 08 chỉ vàng 24k (*Tám chỉ vàng 24 kara*).

2. Về án phí: Chị Lê Ngọc Anh T1 phải chịu 75.000 đồng án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản chung trên số vàng được nhận 2.184.000 đồng. Cùng ngày 16/3/2022 chị T1 đã dự nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004536 và 1.247.000 đồng theo biên lai thu số 0004534 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí. Chị T1 còn phải nộp tiếp số tiền 712.000 đồng (*Bảy trăm mười hai nghìn đồng*) (*Khi án có hiệu lực*);

Anh T2 phải chịu 2.259.000 đồng (*Hai triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng*) trên số vàng được nhận và án phí thuận tình ly hôn.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Cơ quan đã đăng ký việc kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công